TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-PT
Ngày 24-8-2020
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thiên N, sinh năm: 1979.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tấn H, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Đức Nhân, Văn phòng luật sư Công Anh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 44 Lê Văn S, L, thành phố Q Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Thiên N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-12-2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thiên N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Tấn H tìm hiểu một thời gian, tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/9/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống trái ngược, ông H không cùng bà chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, chửi bới, xúc phạm và đuổi bà ra khỏi nhà. Mỗi khi say xỉn, ông H gây gỗ với bà đến 1, 2 giờ sáng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và sức khỏe của bà và các con, ảnh hưởng trực tiếp đến việc học tập của các con. Bà đã nhiều lần nhẫn nhịn, khuyên nhủ nhưng ông H vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Sự việc cứ diễn ra nhiều lần, tính đến nay đã 08 năm.

Ngoài mâu thuẫn giữa vợ chồng thì còn có mâu thuẫn giữa bà với mẹ và chị gái của ông Hiệp. Mẹ chồng, chị chồng bà luôn gây áp lực cho bà về chuyện bà sinh 03 con gái và chuyện tiền bạc. Ông H không đủ bản lĩnh để giải quyết mâu thuẫn giữa bà với mẹ và chị gái ông H, lại để cho mẹ và chị gái ông H can thiệp sâu vào cuộc sống vợ chồng bà. Bà đã về nhà mẹ ruột ở từ tháng 10/2019 đến nay, trong thời gian đó, dù bà thường xuyên về nhà của vợ chồng để chăm lo nhà cửa nhưng ông H không có thái độ và hành động muốn níu kéo, gìn giữ cuộc hôn nhân này. Ngoài ra, bà bị bệnh u tử cung và u buồng trứng cách đây 05 năm, bà đã đi khám, chữa bệnh nhiều nơi nhưng không khỏi. Khi ông H biết bà đi khám, chữa bệnh bằng thuốc Nam ở huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì ông không cho bà đi. Theo bà, ông H không quan tâm, yêu thương và lo lắng cho bà, mâu thuẫn giữa bà và ông H ngày càng trầm trọng, liên tục kéo dài làm cho đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Tấn H.

Về con chung: Bà và ông Đỗ Tấn H có 03 con chung tên Đỗ Thị Thiên L, sinh ngày: 22/7/2004; Đỗ Thị Khánh L1, sinh ngày: 24/5/2008 và Đỗ Thị Anh T, sinh ngày: 04/9/2012. Hiện các con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nghề giáo viên, lương mỗi tháng là 9.000.000 đồng; ngoài ra, bà còn làm thêm công việc buôn bán nhà đất, hàng tháng, bà còn thu nhập thêm hơn 10.000.000 đồng nên bà có đủ điều kiện nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn trình bày ngày 14-01-2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đỗ Tấn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà Phạm Thị Thiên N về việc ông, bà có chung sống và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ

chồng ông chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, trong cuộc sống cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn dù không trầm trọng. Mâu thuẫn của vợ chồng ông chủ yếu xuất phát từ mẹ và chị gái ông với bà N về việc vợ chồng ông chỉ sinh con gái và chuyện tiền bạc. Ông đã nhiều lần tổ chức nói chuyện giữa vợ chồng ông với mẹ và chị ông nhưng chị gái ông không hợp tác. Ông thừa nhận, mẹ và chị gái ông có can thiệp sâu vào cuộc sống của vợ chồng ông nhưng ngoài việc đó ra thì vợ chồng ông không còn mâu thuẫn nào khác. Khi bà N bị bệnh thì ông có biết và đã quan tâm, lo lắng cho bà; khi đó, vợ chồng ông có bàn bạc cùng nhau vào Thành phố Hồ Chí Minh để chữa bệnh cho bà N nhưng sau đó ông ở nhà chăm sóc cho con, còn bà N đi chữa bệnh một mình. Ông có cùng đi với bà N ra xin thuốc Nam ở huyện B nhưng ông không đồng ý với cách xin thuốc của bà N vì bà N nói thuốc từ trên trời rơi xuống. Khi bà N về nhà mẹ đẻ ở thì ông cũng về ở cùng; bản thân ông còn thương yêu bà N, muốn các con có cha mẹ đầy đủ, vợ chồng cùng nhau nuôi con nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 con chung như bà N trình bày, hiện các con đang ở với bà Nga. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn với ông thì ông giao 03 con cho bà N nuôi dưỡng; ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thiên N về việc xin ly hôn ông Đỗ Tấn H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thiên N đối với ông Đỗ Tấn H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/6/2020, bà Phạm Thị Thiên N có đơn kháng với nội dung*:* Sửa bản án sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, giải quyết cho bà được ly hôn ông Đỗ Tấn H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu, tùy vào trách nhiệm của ông Hiệp đối với các con.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:*

Quá trình chung sống, mâu thuẫn về tình cảm, tinh thần giữa bà N và ông H lặp đi lặp lại nhiều lần nhưng không được khắc phục, do vậy bà N bỏ về nhà mẹ

đẻ để sống ly thân với ông H từ tháng 10/2019. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N với ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Tấn H.

Về con chung: Cả 03 cháu hiện đang ở cùng bà N và có nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu Tòa án cho bà N ly hôn với ông H. Bà N làm nghề giáo viên có thu nhập ổn định, ngoài ra bà còn làm thêm công việc buôn bán bất động sản nên có đủ điều kiện để nuôi các cháu. Vì vậy, việc nuôi 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp; buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N làm trong thời hạn luật định là hợp lệ. Từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Trong thời gian sống chung, ngoài mâu thuẫn giữa hai vợ chồng còn có sự mâu thuẫn giữa bà N với mẹ và chị gái ông H; tuy nhiên ông H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân; như vậy mâu thuẫn của hai vợ chồng là nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N; giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Tấn H. Về con chung, hiện nay 03 cháu đang sống cùng bà N và được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt; cả 03 cháu đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ, đồng thời các cháu đều là con gái nên giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng sẽ đảm bảo đến quá trình phát triển về tâm, sinh lý và trưởng thành của các cháu sau này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:*

Bà Phạm Thị Thiên N và ông Đỗ Tấn H tự nguyện kết hôn và đã thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào 19/9/2003, do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Sau khi kết hôn, bà Phạm Thị Thiên N và ông Đỗ Tấn H sống chung hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Theo bà N thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống trái ngược, ông H không quan tâm, không cùng vợ chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Tại Biên bản hòa giải ngày 19/02/2020 (Bút lục 37), Biên bản hòa giải ngày 28/02/2020 (Bút lục 43), bị đơn ông Đỗ Tấn H cũng thống nhất mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc mẹ và chị ông H thường xuyên can thiệp vào cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng, cụ thể là việc bà N sinh con gái và chuyện tiền bạc cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H biết được mâu thuẫn giữa vợ với mẹ và chị gái mình nhưng bản thân ông không có biện pháp hoặc những việc làm cụ thể để giải quyết các mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, gây căng thẳng, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không được giải quyết nên bà N phải về ở với mẹ ruột của bà từ tháng 10/2019 đến nay.

Ông H cho rằng vẫn còn yêu thương vợ, muốn cho các con có mái ấm gia đình trọn vẹn nhưng bản thân ông không có cách giải quyết các mâu thuẫn trong gia đình; thực tế, trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, ông cũng không có biện pháp hay thể hiện bằng những việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm, xây dựng niềm tin với bà N. Bên cạnh đó, bà N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Từ đó nhận thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N; sửa bản án sơ thẩm, cho bà Phạm Thị Thiên N được ly hôn ông Đỗ Tấn H.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Tấn H trình bày, nếu Tòa án chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nga và cho vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giao cháu Đỗ Thị Thiên L, sinh ngày: 22/7/2004 và cháu Đỗ Thị Anh T, sinh ngày: 04/9/2012 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao 03 con chung cho bà N nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi con 2.000.000 đồng mỗi tháng. Về phía bà N, bà yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cả 03 con chung và việc cấp dưỡng tùy vào trách nhiệm đối với các con của ông Hiệp; đối với yêu cầu nhận nuôi 02 con của ông H, bà đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ của các cháu.

Xét yêu cầu nuôi con chung của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy các con chung đều đang sống cùng với bà N; nguyện vọng của các cháu đều muốn sống cùng với mẹ nếu Tòa án cho bà N và ông H ly hôn. Mặt khác, cả 03 cháu đều là con gái nên cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc của người mẹ trong quá trình phát triển về tâm, sinh lý của các cháu. Về điều kiện nuôi con, bà N hiện đang là giáo viên có thu nhập mỗi tháng 9.000.000 đồng; ngoài ra bà còn làm công việc buôn bán nhà, đất nên có thu nhập thêm khoảng 10.000.000đồng mỗi tháng; do đó, bà có đủ điều kiện để nuôi các cháu. Tại Biên bản làm việc với

Tòa án ngày 13/8/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Tấn H cũng thừa nhận kể từ ngày các con về sống chung cùng bà N, cả 03 con đều được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và học tập, phát triển bình thường. Do đó, cần giao 03 con chung là các cháu Đỗ Thị Thiên L, sinh ngày: 22/7/2004; Đỗ Thị Khánh L1, sinh ngày: 24/5/2008 và Đỗ Thị Anh T, sinh ngày: 04/9/2012 cho bà Phạm Thị Thiên N được trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đỗ Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con, mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng cho mỗi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thiên N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đỗ Tấn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phạm Thị Thiên N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 6 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thiên N; sửa bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thiên N được ly hôn với ông Đỗ Tấn H.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu Đỗ Thị Thiên L, sinh ngày: 22/7/2004; Đỗ Thị Khánh L1, sinh ngày: 24/5/2008 và Đỗ Thị Anh T, sinh ngày: 04/9/2012 cho bà Phạm Thị Thiên N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đỗ Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con, mức cấp dưỡng đối với mỗi con mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 24/8/2020.

Ông Đỗ Tấn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thiên N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004488 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Đỗ Tấn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thiên N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị Thiên N 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0005006 ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mười